

Hội thảo
CHUỖI CUNG ỨNG VÀ ĐIỂM NGHẼN LOGISTICS VÙNG ĐÔNG NAM BỘ CẦN THẢO GỖ

HIỆN TRẠNG LOGISTICS CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ - TỔNG QUAN VÀ ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH

Trình bày: NCS.ThS. Nguyễn Thanh Tuấn

Trưởng Bộ phận Nghiên cứu – Viện Nghiên cứu và Phát triển logistics Việt Nam

NỘI DUNG

1. Tổng quan về khu vực Đông Nam Bộ
2. Hiện trạng logistics của khu vực Đông Nam Bộ
3. Đánh giá tiềm năng phát triển logistics của khu vực Đông Nam Bộ
4. Điểm nghẽn trong phát triển logistics của khu vực Đông Nam Bộ
5. Hàm ý chính sách nhằm phát triển ngành logistics của khu vực Đông Nam Bộ

1. Tổng quan về khu vực Đông Nam Bộ

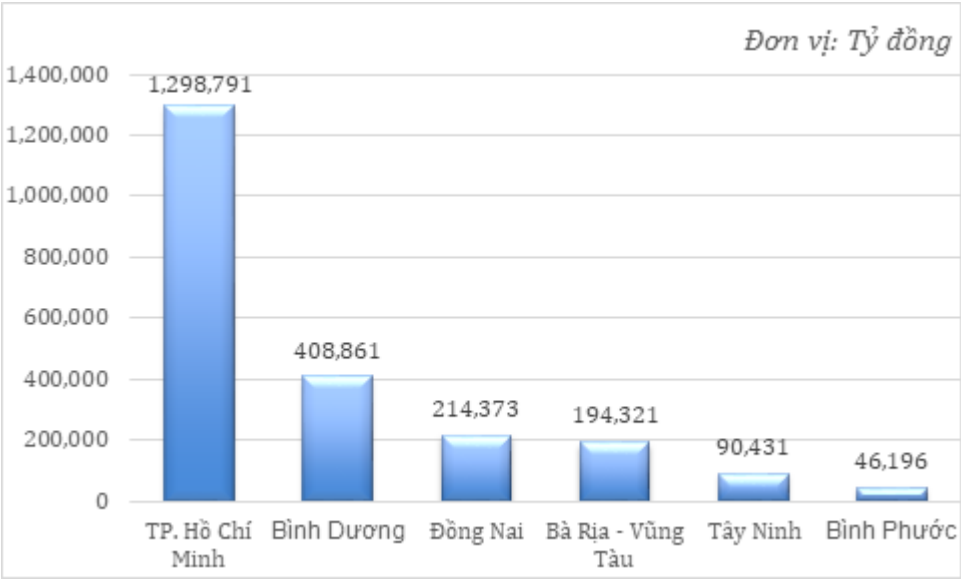
Vùng ĐNB gồm 6 tỉnh thành: Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu là vùng có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và đối ngoại của đất nước:

- Đóng góp 32% GDP của cả nước, 44,7% tổng thu ngân sách nhà nước
- Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 cao nhất cả nước
- Tỷ lệ đô thị hóa của vùng đạt 67%
- Đặc biệt, TP HCM từng bước đã trở thành trung tâm khoa học - công nghệ, đổi mới, sáng tạo và công nghệ thông tin của vùng và cả nước.

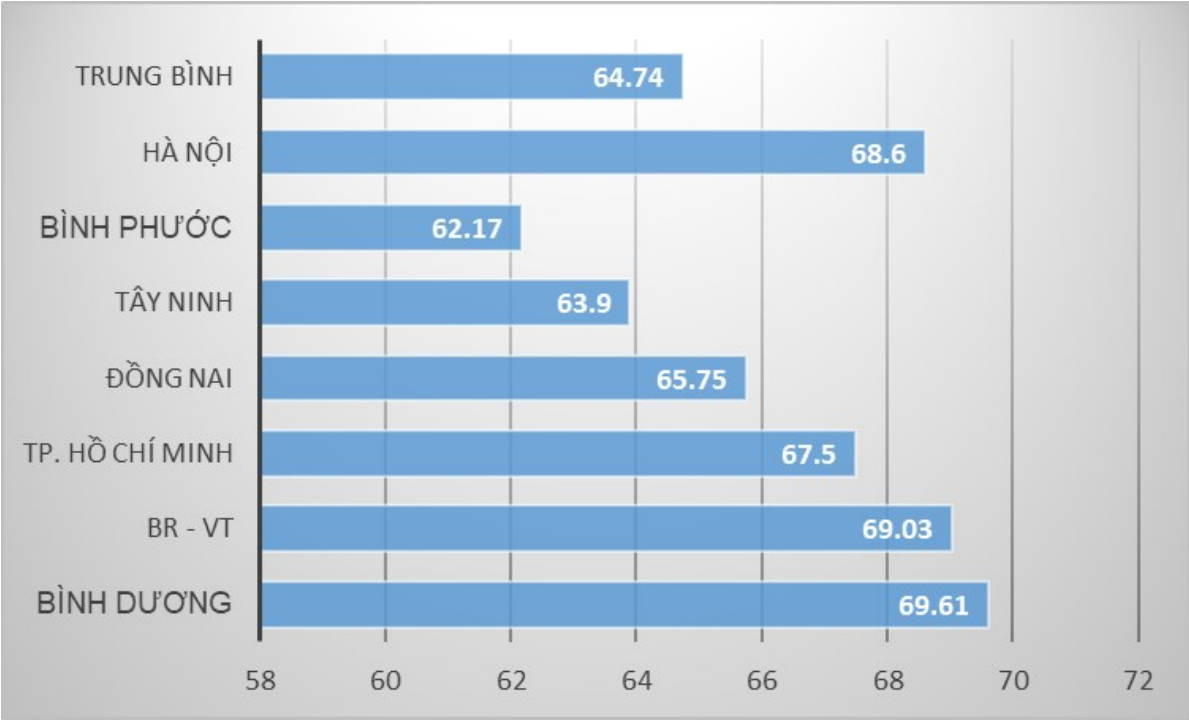


70	Tỉnh Bình Phước
72	Tỉnh Tây Ninh
74	Tỉnh Bình Dương
75	Tỉnh Đồng Nai
77	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
79	Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tổng quan về khu vực Đông Nam Bộ



Hình 1. Biểu đồ thể hiện GRDP các tỉnh Đông Nam Bộ năm 2021



Hình 1 : Biểu đồ thể hiện chỉ số PCI các tỉnh Đông Nam Bộ năm 2021 so với bình quân và TP. Hà Nội

2. Hiện trạng logistics của khu vực Đông Nam Bộ

❖ Cơ sở hạ tầng logistics

Đường bộ

- Toàn vùng hiện chỉ có tuyến cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây
- Trục kết nối với các tỉnh phía Bắc là quốc lộ 1 và đường cao tốc Bắc – Nam
- Các dự án quy hoạch đường Vành đai và trục giao thông kết nối đang chậm triển khai

Đường thủy

- hiện có 6 tuyến giao thông đường thủy nội địa: 1 tuyến ven biển BRVT-HCM; 5 tuyến thủy nội địa
- Nhiều cầu vượt sông trên các tuyến chính không bảo đảm tĩnh không, khoang thông thuyền (cầu Bình Triệu, cầu Bình Phước)

Đường sắt

- Tuyến đường sắt hiện hữu Bắc - Nam qua vùng Đông Nam Bộ đang được khai thác với tốc độ chạy tàu thấp, giao cắt đồng mức nhiều với đường dân cư
- Triển khai xây dựng các dự án Đường sắt Biên Hòa-Vũng Tàu (dài 84km) và đường sắt nhẹ Thủ Thiêm-sân bay Long Thành (dài 38km)

Đường hàng không

- Sân bay Tân Sơn Nhất là trọng điểm nhưng đã quá tải cả về hành khách và vận tải hàng hoá
- Cơ sở hạ tầng hàng không đang được đầu tư nâng cấp: khai thác nhà ga T3 Cảng Hàng không Tân Sơn Nhất, sân bay Long Thành

2. Hiện trạng logistics của khu vực Đông Nam Bộ

❖ Hạ tầng trung tâm logistics, kho bãi, trung tâm phân phối

Bảng 1: Hiện trạng mạng lưới ICD khu vực phía Nam

STT	TÊN ICD	Diện tích (ha)	Khả năng mở rộng (ha)		Công suất thiết kế (1000 Teu)	Khả năng kết nối giao thông
			2020	2030		
I	TP.HCM					
1	ICD Phước Long	12*	0	0	200	- Thủy: sông Sài Gòn - Bộ: xa lộ Hà Nội
2	ICD Transimex	9,4*	0	0	500	- Thủy: sông Sài Gòn - Bộ: xa lộ Hà Nội
3	ICD Sotrans	10*	0	0	200	- Thủy: sông Sài Gòn - Bộ: xa lộ Hà Nội
4	ICD Tanamexco – Tây Nam	13,2*	0	0	500	- Thủy: sông Sài Gòn - Bộ: xa lộ Hà Nội
5	ICD Phúc Long	6*	0	0	200	- Thủy: sông Sài Gòn - Bộ: xa lộ Hà Nội
6	ICD Tân Tạo	6,4	**	**		Bộ: xa lộ Đại Hàn
II	Đồng Nai					
7	ICD Tân Cảng-Long Bình	105	50	150	750	Quốc Lộ 1, Quốc Lộ 51, cao tốc HCM – Long Thành – Dầu Giây
8	ICD Đồng Nai	18	**	**		
9	ICD Biên Hòa	18	20	25	300	- Thủy: sông Đồng Nai - Bộ: QL51, cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu
10	ICD Tân Cảng Nhơn Trạch	11	11	15	160	- Thủy: sông Đồng Nai, Nhà Bè, Lòng Tàu - Bộ: TL769, QL51
III	Bình Dương					
11	ICD Tân Cảng -Sóng Thần	50	0	**	750	Đường 743, QL13, vành đai 2,3
12	ICD TBS Tân Vạn	22	30	50	450	- Thủy: sông Đồng Nai - Bộ: QL13, vành đai 2,3

Ghi chú: * Đã nhận quyết định di dời ** Chưa có thông tin về việc mở rộng;

2. Hiện trạng logistics của khu vực Đông Nam Bộ

❖ Hạ tầng trung tâm logistics, kho bãi, trung tâm phân phối

Bảng 2: Một số kho lạnh/mát dịch vụ trên địa bàn TP.HCM

Stt	Tên điểm	Địa Chỉ
1	Kho Lạnh Satra (Bình Điền)	Lô số III, Khu Thương mại Bình Điền, Nguyễn Văn Linh, Phường 7, Quận 8, TP.HCM
2	Kho Lạnh Ryobi Vietnam	Võ Chí Công, Phước Long B, Quận 9, TP.HCM
3	Kho Lạnh Preferred Freezer	163 Nguyễn Văn Quỳ, Phú Thuận, Quận 7, TP.HCM
4	Kho Lạnh Transimex (Khu CNC)	Lô Bt, Đường D2, Khu Công Nghệ Cao, Q.9, TP.HCM
5	Kho Lạnh Hoàng Anh Lai 1	791 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, TP.HCM
6	Kho Lạnh Hoàng Anh Lai 2	108 Quốc Lộ 1A, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, TP.HCM
7	Kho Lạnh Hoàng Phi Quân	251 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP.HCM
8	Kho lạnh ABA Sài Gòn	20 đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, Bình Tân, TP.HCM
9	Kho Lạnh Hoang Ha International Logs	Lô III/22, Đường 19/5A, CN III, KCN Tân Bình, Q.Tân Phú, TP.HCM
10	Cty TNHH Vận Tải Việt Nhật	18 Lưu Trọng Lư, Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM

Nguồn: VLI (2019)

2. Hiện trạng logistics của khu vực Đông Nam Bộ

❖ Khung pháp lý, chính sách

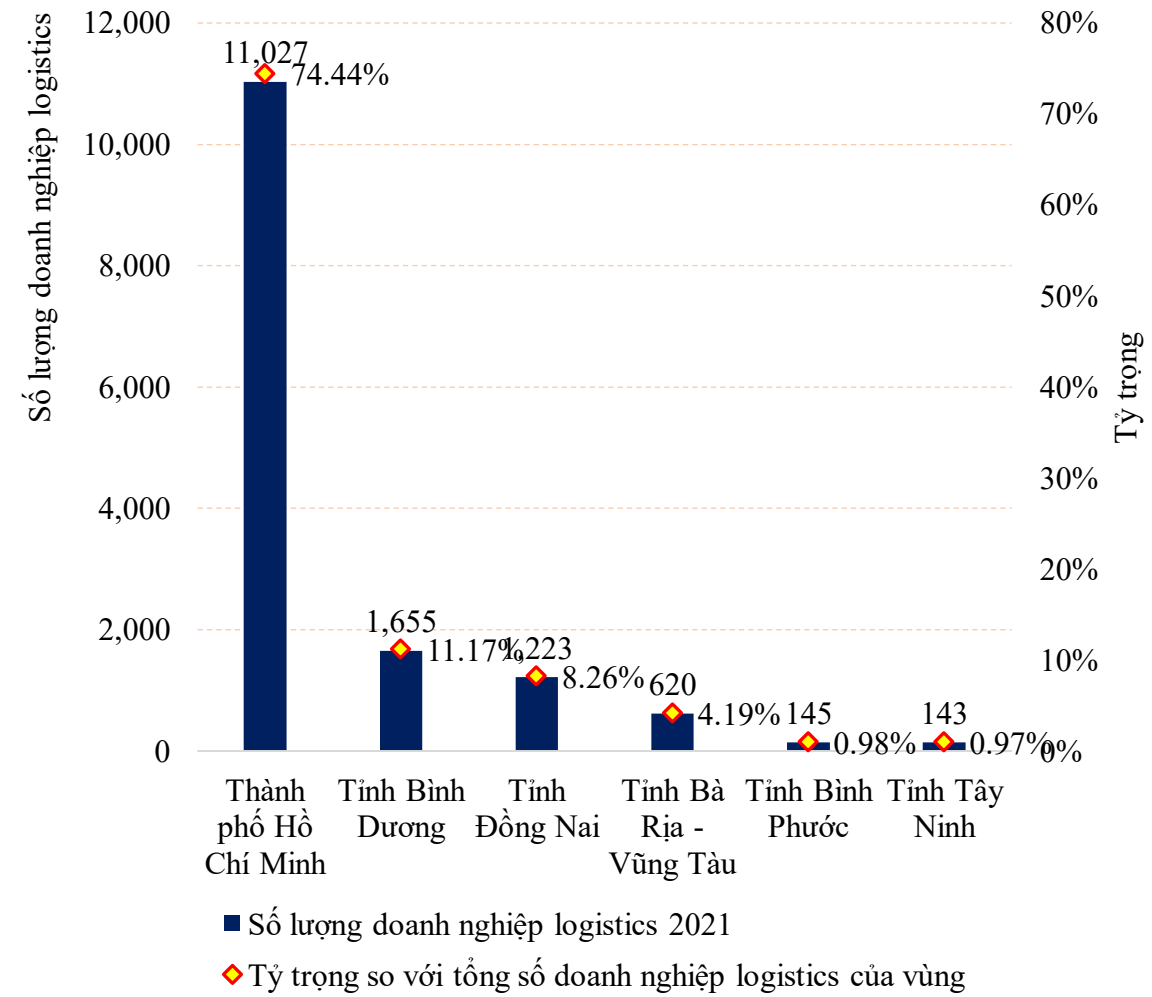
- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ Chính trị
- Hội nghị tổng kết thực hiện Nghị quyết 53-NQ/TW năm 2005 và Kết luận 27-KL/TW năm 2012 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 do Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chủ trì ngày 9/7/2022, đây là những lợi thế riêng có, là nền tảng quan trọng để Việt Nam phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ logistics.
- Nghiên cứu đề xuất các cơ chế chính sách đồng bộ, đủ mạnh và khả thi, nhằm đa dạng hóa các hình thức đầu tư để thúc đẩy phát triển hạ tầng kinh tế xã hội, đặc biệt là hình thành các định chế tài chính mới.
- Chính sách hỗ trợ đầu tư cho một số trường đại học - cao đẳng nghề trọng điểm trong vùng để nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển khoa học công nghệ và logistics.
- Quy định về liên kết vùng đối với các địa phương chưa có chế tài có tính ràng buộc nên vẫn mạnh ai nấy làm.

2. Hiện trạng logistics của khu vực Đông Nam Bộ

❖ Nhà cung ứng dịch vụ logistics

Năm 2021, vùng Đông Nam bộ có khoảng 14.813 doanh nghiệp cung ứng dịch vụ logistics, chiếm 49,2% tổng số doanh nghiệp logistics của cả nước (VLI, 2022).

Số lượng doanh nghiệp logistics tập trung chủ yếu ở trung tâm kinh tế TP.HCM với 11.027 doanh nghiệp, chiếm đến 74,4% tổng số doanh nghiệp logistics của vùng Đông Nam Bộ. Kế đến là các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai cũng có số lượng đáng kể doanh nghiệp logistics với số lượng lần lượt là 1.655 và 1.223 doanh nghiệp (VLI, 2022).



2. Hiện trạng logistics của khu vực Đông Nam Bộ

❖ Nhà cung ứng dịch vụ logistics

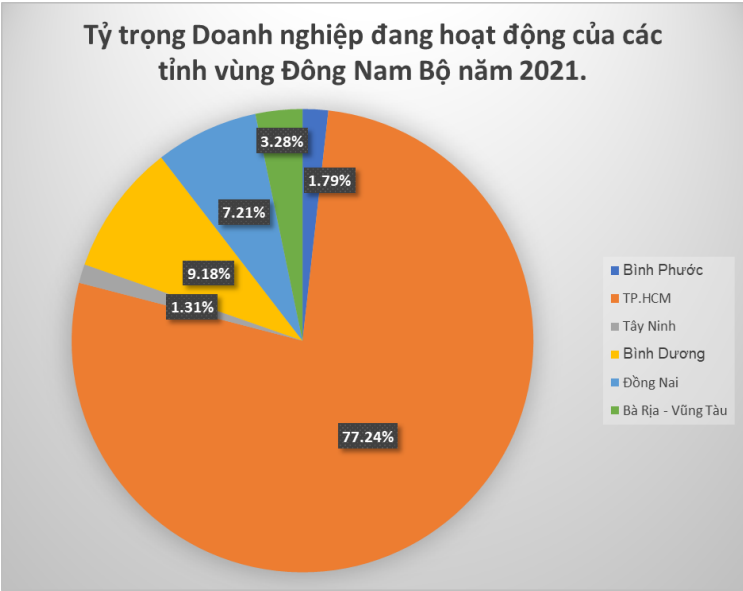
Các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ logistics chủ yếu của vùng Đông Nam Bộ là doanh nghiệp vận tải hàng hóa; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; đại lý, giao nhận vận chuyển. Trong đó Thành phố Hồ Chí Minh đa dạng hơn về các dịch vụ logistics, kể đến là Bà Rịa Vũng Tàu, đồng Nai, Bình Dương.

	Tổng số	Tỉnh Bình Phước	Tỉnh Tây Ninh	Tỉnh Bình Dương	Tỉnh Đồng Nai	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành phố Hồ Chí Minh
52299	Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	6.21	9.79	15.59	7.69	17.58	31.8
49332	Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)	54.48	77.62	75.35	55.44	36.77	21.77
49331	Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng	19.31	3.5	0.18	15.29	8.87	12.2
52291	Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển	2.07	1.4		1.8	4.84	7.92
52292	Logistics	0.69	0.7	0.06	0.49	3.39	6.86
49339	Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác	5.52		0.06	4.74	2.26	3.82
53200	Chuyến phát	2.76	3.5	0.91	1.88	0.97	3.48
52109	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác	0.69		2.78	1.23	3.71	1.8
49333	Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác	2.07	0.7		1.88	2.1	1.76
52259	Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ	4.83		0.12	1.31	1.29	1.42
50221	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới			0.42	1.14	1.29	1.25
52242	Bốc xếp hàng hóa đường bộ	0.69	1.4	2.96	4.91	3.39	0.72
52222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải ven biển và viễn dương				0.16	3.39	0.69
52101	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan	0.69		0.6	0.41	0.65	0.64
50121	Vận tải hàng hóa ven biển		0.7		0.08	1.77	0.55
53100	Bưu chính				0.33	0.65	0.53
52239	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không				0.08		0.37
50122	Vận tải hàng hóa viễn dương				0.08		0.33
52243	Bốc xếp hàng hóa cảng biển				0.08	2.58	0.32
52210	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt			0.06	0.08		0.29
52244	Bốc xếp hàng hóa cảng sông			0.3	0.08	2.58	0.28
52224	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường thủy nội địa			0.06	0.08	0.65	0.26
50222	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện thô sơ			0.06	0.33	0.16	0.17
52102	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan)			0.48	0.08	0.32	0.17
52221	Hoạt động điều hành cảng biển					0.48	0.17
49120	Vận tải hàng hóa đường sắt				0.16		0.15
52223	Hoạt động điều hành cảng đường thủy nội địa				0.08	0.16	0.09
52241	Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt				0.08		0.05
52245	Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không						0.05
49334	Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ					0.16	0.03
49400	Vận tải đường ống						0.02
51201	Vận tải hàng hóa hàng không theo tuyến và lịch trình cố định						0.02
51209	Vận tải hàng hóa hàng không loại khác						0.01
	Tổng số doanh nghiệp	145	143	1655	1223	620	11027
	Tổng số %	100%	100%	100%	100%	100%	100%

2. Hiện trạng logistics của khu vực Đông Nam Bộ

❖ Người sử dụng dịch vụ logistics

	Tỷ trọng	Số lượng Doanh nghiệp
Bình Phước	1.79%	6216
TP.HCM	77.24%	268465
Tây Ninh	1.31%	4560
Bình Dương	9.18%	31905
Đồng Nai	7.21%	25055
Bà Rịa - Vũng Tàu	3.28%	11393
		347594



	Tỷ trọng	Số lượng Doanh nghiệp
Đông Nam Bộ	40.53%	347594
Các vùng còn lại	59.47%	509957
Cả nước		857551



Tính đến thời điểm 31/12/2021, số lượng doanh nghiệp vùng ĐNB là 347.594 doanh nghiệp, chiếm 41% tổng số doanh nghiệp của cả nước. Trong đó:

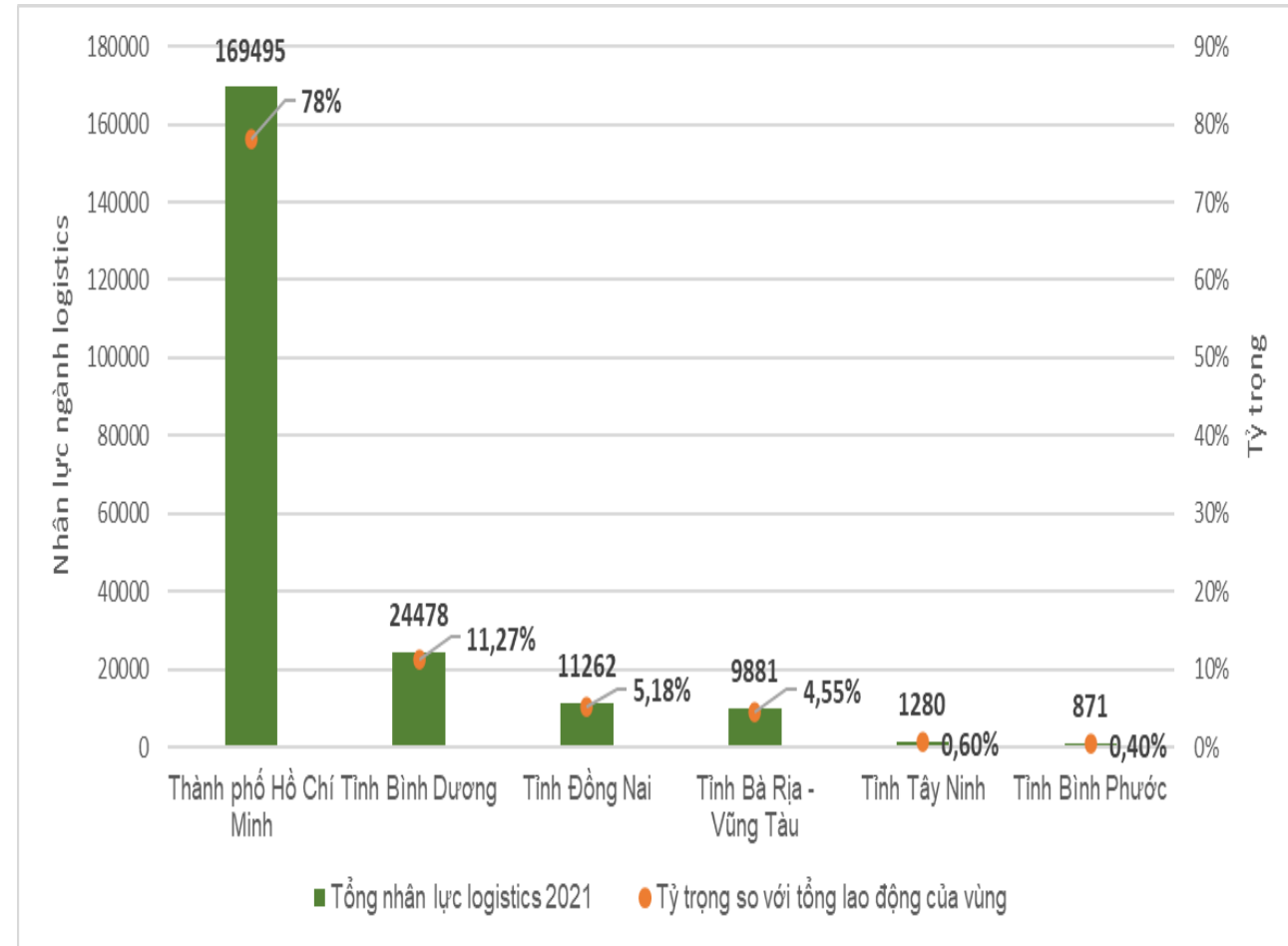
- TP. HCM có số DN đang hoạt động lớn nhất vùng với 268.465 DN, chiếm tỷ trọng 77,24%
- Tây Ninh và Bình Phước có số DN hoạt động thấp nhất, lần lượt là 4.560 và 6.216 DN, tương ứng 1,31% và 1,79%

2. Hiện trạng logistics của khu vực Đông Nam Bộ

❖ Nguồn nhân lực logistics

Theo công bố của Sách trắng Logistics Việt Nam 2018 (VLA), hiện nay ngành dịch vụ logistics Việt Nam có trên 3000 doanh nghiệp hoạt động chuyên nghiệp, trong đó 54% số doanh nghiệp tập trung trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, nhu cầu về nguồn nhân sự logistics là rất lớn. Dự báo đến năm 2030 nhu cầu nhân lực chuyên nghiệp cho toàn ngành là 200.000 nhân sự, trong khi đó khả năng đáp ứng nhu cầu nhân sự chỉ đạt khoảng 10% - một con số vô cùng khiêm tốn.

Năm 2021, nhân lực logistics tập trung chủ yếu ở trung tâm kinh tế TP.HCM với 169.495 người lao động trong lĩnh vực logistics, chiếm đến 78% tổng số nhân lực logistics của vùng Đông Nam Bộ. Kế đến là các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai với số lượng người lao động trong lĩnh vực logistics lần lượt là 24.478 và 11.262 người lao động.



3. Đánh giá tiềm năng phát triển logistics của khu vực Đông Nam Bộ

4. Điểm nghẽn trong phát triển logistics của khu vực Đông Nam Bộ

Theo Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển KT-XH và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng ĐNB đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã chỉ ra các điểm nghẽn của vùng ĐNB như sau:

- i) Mạng lưới kết cấu hạ tầng cấp vùng, liên vùng, nhất là hạ tầng giao thông kết nối nội vùng và liên vùng còn thiếu, yếu, chưa đồng bộ
- ii) Nguồn nhân lực logistics chất lượng cao chưa đáp ứng được nhu cầu
- iii) Chi phí logistics còn cao
- iv) Sự liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất - xuất nhập khẩu và doanh nghiệp logistics hiệu quả thấp
- v) Chưa hình thành được các trung tâm logistics quy mô lớn, có vai trò trung chuyển hàng hóa đa phương thức của vùng

5. Hàm ý chính sách nhằm phát triển ngành logistics của khu vực Đông Nam Bộ

Đối với cơ quan quản lý nhà nước	Đối với hiệp hội	Đối với doanh nghiệp
<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành cơ chế huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân, đất đai... để có ngân sách phát triển hạ tầng - Cần có các chính sách thúc đẩy việc liên kết vùng, một cơ chế đặc biệt và sự phối hợp giữa các tỉnh. Tính đến lợi ích chung của cả vùng hơn là lợi ích của địa phương. - Chính sách phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, trong đó tập trung phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc, đường vành đai TP. Hồ Chí Minh - Có chính sách ưu đãi thu hút các doanh nghiệp logistics lớn đầu tư vào vùng ĐNB từ đó thu hút các doanh nghiệp chủ hàng (Cargo Owner-CO) đến vùng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập tổ chức Quản lý vùng Đông Nam Bộ về logistics có đủ thẩm quyền, và cơ chế làm việc hiệu quả nhằm thúc đẩy hợp tác liên vùng giữa các tỉnh thành hướng đến mục tiêu phát triển logistics toàn vùng. - Các hiệp hội phát triển Logistics đã có của vùng ĐNB: Hiệp hội xuất nhập khẩu Đồng Nai, Hiệp Hội Logistics Thành Phố Hồ Chí Minh, Hiệp Hội Logistics Bình Dương cần liên kết và hỗ trợ lẫn nhau, cùng nhau tham gia vào các dự án và đề xuất các giải pháp giúp thúc đẩy phát triển Logistics ĐNB. - Để thúc đẩy sự phát triển toàn vùng, các tỉnh ĐNB cần có một Tổ chức thúc đẩy phát triển Logistics riêng, do đó cần thành lập các Hiệp hội Logistics tại Tây Ninh, Bình Phước và Bà Rịa - Vũng Tàu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chú trọng nâng cao công tác đào tạo và tuyển dụng nguồn nhân lực logistics - Tăng cường ứng dụng công nghệ để số hoá dữ liệu hành trình vận chuyển, áp dụng tự động hóa trong lĩnh vực logistics từ khâu vận chuyển, dịch vụ cảng, kho bãi, vận tải... - Hiện đại hóa phương thức quản lý và vận hành, sử dụng hệ thống phần mềm, nền tảng tối ưu hóa logistics nhằm cắt giảm chi phí logistics, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ. - Đẩy mạnh hoạt động liên doanh, liên kết giữa các nhà cung cấp dịch vụ logistics với nhau và với doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu.